

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 tháng 9 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chu Xuân Toàn.

Ông Nguyễn Văn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim S; sinh ngày 14/12/1983; số định danh cá nhân 064183005417; địa chỉ: Thôn D, xã I, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Võ Vương C; sinh ngày 10/01/1974; số định danh cá nhân 045074014087; địa chỉ: Thôn D, xã I, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim S:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Vương C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 ngày 31/7/2007 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai). Trong quá trình chung sống, giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Cụ thể anh C thường xuyên đi làm xa, không quan tâm đến vợ, những lúc chị hoặc con cái ốm đau, nằm viện báo anh C về chăm sóc thì anh C không về hoặc nếu có về thì về vài hôm rồi lại đi, trong khi cậu của anh C ốm đau, nằm viện thì anh C chăm sóc ở bệnh viện cả một tháng rưỡi. Chị đã chịu đựng mong nuôi dạy các con nhưng đến nay các con cơ

bản đã trưởng thành, tự lập được nên chị không thể chịu đựng được cuộc sống này nữa. Chị nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã thật sự trầm trọng, không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Chị không đồng ý hòa giải đoàn tụ với anh C.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh C có 03 con chung là Võ Thị Minh S1, sinh ngày 07/12/2004; Võ Vương B, sinh ngày 29/6/2007 và Võ Vương L, sinh ngày 11/5/2012. Đối với các con chung Võ Thị Minh S1, sinh ngày 07/12/2004 và Võ Vương B, sinh ngày 29/6/2007 hiện nay đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Võ Vương L, sinh ngày 11/5/2012 và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Trường hợp con có nguyện vọng được ở với anh C thì chị cũng đồng ý và sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết vấn đề này.

Tại phiên tòa, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Võ Vương L và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Ý kiến, yêu cầu của bị đơn anh Võ Vương C:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị S tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 ngày 31/7/2007 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai). Trong thời gian chung sống đến nay gần 20 năm, anh thừa nhận bản thân có sự vô tâm, không đáp ứng được nhu cầu về mặt tình cảm, tinh thần của chị S, nhưng anh không rượu chè, cờ bạc, không xúc phạm, đánh đập vợ con và vẫn làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S vì các con, anh mong muốn các con trưởng thành, để không ảnh hưởng đến tâm lý các con, khi nào các con trưởng thành mà chị S vẫn muốn ly hôn thì anh đồng ý.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng: Đối với các con chung Võ Thị Minh S1, sinh ngày 07/12/2004 và Võ Vương B, sinh ngày 29/6/2007 hiện nay đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên anh không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Võ Vương L, sinh ngày 11/5/2012 thì anh đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của con. Trường hợp con có nguyện vọng ở với chị S thì anh đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị S. Trường hợp con có nguyện vọng ở với anh thì chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con như thế nào là quyền của chị S.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Tại phiên tòa, anh vẫn giữ ý kiến không muốn ly hôn với chị S vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý của các con và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị S theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn theo nguyện vọng thì anh không có ý kiến. Anh đồng ý giao cháu Võ Vương L

cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ có trách nhiệm với các con là Võ Thị Minh S1 và Võ Vương B cho đến khi các con tự lập được.

3. Lời trình bày của người làm chứng là chị Trần Thị Mỹ D:

Chị có mối quan hệ là em dâu của chị Trần Thị Kim S. Chị xác nhận những mâu thuẫn giữa chị S và anh Võ Vương C như chị S trình bày là đúng sự thật. Anh C thường xuyên đi làm xa, không quan tâm đến vợ, con. Những lúc chị S hoặc con cái ốm đau, nằm viện báo anh C về chăm sóc thì anh C không về hoặc nếu có về thì về vài hôm rồi lại đi. Chị S nhiều lần tâm sự với chị, trước đây chị S cũng đã nộp đơn khởi kiện một lần tại Tòa án nhân dân huyện Chư Sê nhưng sau đó được Tòa án động viên nên chị S đã rút đơn, đến nay đời sống hôn nhân vẫn không được cải thiện nên chị S lại phải nộp đơn yêu cầu ly hôn anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Kim S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng với anh Võ Vương C; các đương sự đều cư trú tại Thôn D, xã I, tỉnh Gia Lai, tranh chấp không có yếu tố nước ngoài nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

[2] Vụ án không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Chị Sa và anh Châu tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 ngày 31/7/2007 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai). Việc kết hôn của anh chị đảm bảo điều kiện, không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên có giá trị pháp lý.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, theo lời trình bày của chị S thì trong quá trình chung sống, giữa chị và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; anh C thường xuyên đi làm xa, không quan tâm đến vợ, con. Đến nay chị nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã thật sự trầm trọng, không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Anh C thừa nhận bản thân có sự vô tâm, không đáp ứng được nhu cầu về mặt tình cảm, tinh thần của chị S nhưng anh không rệu rã, cờ bạc, không xúc phạm đánh đập vợ con và vẫn làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Anh C không đồng ý ly hôn với chị S vì lo lắng sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con, khi nào các con trưởng thành mà chị S vẫn muốn ly hôn thì anh đồng ý.

[5] Tại “Đơn xin xác nhận về mâu thuẫn hôn nhân đề ngày 14/8/2025” do chị S giao nộp, đại diện Ban N, xã I xác nhận Ban Nhân dân thôn không nắm được

những mâu thuẫn hôn nhân giữa chị S và anh C.

[6] Khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: *“Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* là thuộc một trong các trường hợp sau đây *“a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng”*.

[7] Hội đồng xét xử nhận thấy những mâu thuẫn hôn nhân giữa chị S và anh C là có thật. Mặc dù anh C cho rằng những mâu thuẫn của anh chị không đến mức trầm trọng như chị S trình bày, bản thân anh C vẫn làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha nhưng một trong những quyền, nghĩa vụ quan trọng nhất của vợ, chồng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình là *“thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* thì anh chị không thực hiện được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần phân tích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên, hòa giải nhưng chị S không đồng ý và thừa nhận bản thân không còn thương yêu anh C. Mâu thuẫn của anh chị đã diễn ra một thời gian dài, trước đây chị S đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, sau đó rút đơn nhưng đến nay hôn nhân của anh chị không được cải thiện. Về phía anh C, tại phiên tòa anh C cũng khẳng định về mặt tình cảm thì anh và chị S thật sự không còn hòa hợp, khả năng tiếp tục quan hệ hôn nhân là không còn, anh không đồng ý ly hôn với chị S là vì các con chứ không phải vì chị S, tuy nhiên trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn theo nguyện vọng thì anh cũng không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của chị S và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, xử cho chị S được ly hôn anh C.

[8] Trong thời kỳ hôn nhân, chị S và anh C có 03 con chung là Võ Thị Minh S1, sinh ngày 07/12/2004; Võ Vương B, sinh ngày 29/6/2007 và Võ Vương L, sinh ngày 11/5/2012. Đối với các con chung là Võ Thị Minh S1 và Võ Vương B hiện nay đã đủ 18 tuổi và tự lập, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung là cháu Võ Vương L, quá trình giải quyết vụ án, cháu L có nguyện vọng được ở với anh C. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị S và anh C thỏa thuận cho cháu L tiếp tục được ở với chị S vì hiện nay cháu đang ở với mẹ, được mẹ chăm sóc bình thường, do đặc thù công việc, anh C thường xuyên phải đi làm xa nên không có điều kiện chăm sóc cháu L. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử giao cháu L cho chị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

[9] Tại phiên tòa, chị S và anh C tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim S.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Kim S được ly hôn anh Võ Vương C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 ngày 31/7/2007 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai) hết hiệu lực kể từ ngày

bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Võ Vương L, sinh ngày 11/5/2012 cho chị Trần Thị Kim S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

Anh Võ Vương C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim S chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0000395** ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, chị S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 - Gia Lai;
- PTHADS Khu vực 11 - Gia Lai;
- UBND xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai;
- Lưu: HSVA, VT-LT, CPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tiến Sỹ